

Số : 168/CBTT

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Duốc Trung ương 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TW3
- Địa chỉ: 115 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (0236)3 830 202
- Email: duoctw3danang@gmail.com/ Website: <https://duoctw3.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày : 30/03/2026 tại đường dẫn:

<https://duoctw3.com/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (thay b/c);
- Lưu: PTQT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Thoại Nhân

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35



Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty"), tiền thân là Công ty Dược Tổng hợp cấp I, là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4204/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400102077 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 19 tháng 10 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 18 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác.

Công ty có trụ sở chính tại số 115 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch	
Ông Trương Thoại Nhân	Thành viên	
Bà Nguyễn Hoàng Diệp	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2025

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Thoại Nhân	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hoài Kim	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Thu Hiền	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thế Nam	Thành viên	
Bà Đinh Thị Trâm Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2025
Bà Đỗ Hoàng Giang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Thoại Nhân, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026





Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12961337/68682629

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

302
TY
H
Y
NA
OC



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		96.575.721.095	157.800.311.532
110	I. Tiền	4	5.553.691.450	4.815.293.332
111	1. Tiền		5.553.691.450	4.815.293.332
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	50.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	50.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.744.108.687	120.047.098.012
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	62.347.958.077	116.707.789.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		328.452.636	881.554.379
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.659.069.629	3.828.133.789
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(1.591.371.655)	(1.370.380.008)
140	IV. Hàng tồn kho	8	25.170.970.130	31.908.480.315
141	1. Hàng tồn kho		26.546.853.704	31.960.940.286
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.375.883.574)	(52.459.971)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.106.950.828	979.439.873
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		264.225.246	21.032.553
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		38.206.946	6.700
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	804.518.636	958.400.620
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.957.023.167	16.503.755.086
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.597.110	58.299.536
211	1. Phải thu dài hạn khác	6	12.597.110	58.299.536
220	II. Tài sản cố định		14.721.529.819	13.922.051.092
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	14.721.529.819	13.922.051.092
222	Nguyên giá		49.795.395.183	46.045.122.505
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(35.073.865.364)	(32.123.071.413)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		170.000.000	170.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(170.000.000)	(170.000.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		52.000.000	122.333.333
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		52.000.000	122.333.333
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.170.896.238	2.401.071.125
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	2.170.896.238	2.401.071.125
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		113.532.744.262	174.304.066.618

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		78.992.609.503	141.059.864.813
310	I. Nợ ngắn hạn		78.195.432.267	139.864.098.965
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	47.200.562.515	110.140.005.573
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.2	5.555.490.869	2.767.409.029
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.434.825.739	2.750.444.388
314	4. Phải trả người lao động		3.217.697.447	1.909.975.130
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	398.796.968	163.621.014
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		132.258.993	75.336.950
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	3.852.773.106	1.376.202.943
320	8. Vay ngắn hạn	15	13.439.012.434	19.351.551.934
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	1.964.014.196	1.329.552.004
330	II. Nợ dài hạn		797.177.236	1.195.765.848
338	1. Vay dài hạn	15	797.177.236	1.195.765.848
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		34.540.134.759	33.244.201.805
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	34.540.134.759	33.244.201.805
411	1. Vốn cổ phần		17.500.000.000	17.500.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		17.500.000.000	17.500.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(482.580.000)	(482.580.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.184.121.732	3.780.645.956
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.338.593.027	12.446.135.849
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.520.496.926	7.767.883.262
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		3.818.096.101	4.678.252.587
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		113.532.744.262	174.304.066.618

Nguyễn Hồ Tuyết Nhi
Người lập

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Trương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	216.359.709.631	256.008.527.479
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(293.128.814)	(262.058.163)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	216.066.580.817	255.746.469.316
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(173.411.248.249)	(215.506.771.164)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.655.332.568	40.239.698.152
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	99.009.274	207.152.106
22	7. Chi phí tài chính	20	(3.697.426.775)	(6.658.996.232)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.191.188.587)	(1.979.644.849)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(16.002.953.524)	(14.574.974.363)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(15.950.347.726)	(13.403.799.824)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.103.613.817	5.809.079.839
31	11. Thu nhập khác	22	3.468.761.290	254.920.229
32	12. Chi phí khác	22	(5.693.582.560)	(162.089.394)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(2.224.821.270)	92.830.835
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.878.792.547	5.901.910.674
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(1.060.696.446)	(1.223.658.087)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.818.096.101	4.678.252.587
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.998	2.266
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	1.998	2.266

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Hồ Tuyết Nhi
Người lập

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Trương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		4.878.792.547	5.901.910.674
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9	2.950.793.951	2.670.600.053
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		1.634.557.818	(1.399.407)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.026.523.705	(2.088.266.416)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(80.197.837)	(43.348.460)
06	Chi phí lãi vay	20	1.191.188.587	1.979.644.849
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.601.658.771	8.419.141.293
09	Giảm các khoản phải thu		55.286.503.840	5.761.628.506
10	Giảm hàng tồn kho		5.323.944.014	12.418.944.679
11	Giảm các khoản phải trả		(59.236.621.629)	(17.193.522.270)
12	Tăng chi phí trả trước		(13.017.806)	(491.008.984)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		50.000.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.217.708.868)	(2.036.380.247)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(910.721.422)	(1.478.392.034)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(185.100.955)	(189.911.203)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.698.935.945	5.210.499.740
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.020.387.751)	(2.702.852.150)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi		37.075.839	23.789.251
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.983.311.912)	(2.679.062.899)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		146.602.986.478	140.886.990.040
34	Tiền trả nợ gốc vay		(152.914.114.590)	(161.006.416.812)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	17.3	(1.667.885.000)	(841.324.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(7.979.013.112)	(20.960.751.272)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		736.610.921	(18.429.314.431)
60	Tiền đầu năm		4.815.293.332	23.241.707.692
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.787.197	2.900.071
70	Tiền cuối năm	4	5.553.691.450	4.815.293.332

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Hồ Tuyết Nhi
Người lập



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Trương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 ("Công ty"), tiền thân là Công ty Dược Tổng hợp cấp I, là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 4204/QĐ-BYT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400102077 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 19 tháng 10 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 18 tháng 9 năm 2025.

Công ty có trụ sở chính tại số 115 Ngô Gia Tự, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 2 chi nhánh hạch toán phụ thuộc:

- ▶ Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Hà Nội: Số 95 phố Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội; và
- ▶ Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Hồ Chí Minh: 270A Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 132 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 133).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị chứng khoán kinh doanh

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

02
TY
H
Y01
VA
50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm 2025 khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, bao bì dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	256.119.957	548.298.741
Tiền gửi ngân hàng	5.297.571.493	4.266.994.591
TỔNG CỘNG	5.553.691.450	4.815.293.332

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thiết bị Y khoa Tâm An	17.335.466.400	63.353.351.200
Các khoản phải thu khác	45.012.491.677	53.354.438.652
TỔNG CỘNG	62.347.958.077	116.707.789.852
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(1.591.371.655)</i>	<i>(1.370.380.008)</i>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.370.380.008	1.394.380.008
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	<i>249.642.538</i>	<i>-</i>
<i>Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm</i>	<i>(28.650.891)</i>	<i>(24.000.000)</i>
Số cuối năm	1.591.371.655	1.370.380.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	2.746.632.949	2.278.323.914
Các khoản tạm ứng	184.238.764	374.332.710
Phải thu ngắn hạn khác	728.197.916	1.175.477.165
TỔNG CỘNG	3.659.069.629	3.828.133.789
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	12.597.110	58.299.536
TỔNG CỘNG	12.597.110	58.299.536

7. NỢ XẤU

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH Dược phẩm Phúc Đạt	682.816.540	-	682.816.540	-
Công ty Cổ phần Pharmaland	106.535.299	-	106.535.299	-
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Bình Nguyên	65.949.241	-	65.949.241	-
Các khách hàng khác	736.070.575	-	515.078.928	-
TỔNG CỘNG	1.591.371.655	-	1.370.380.008	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đi đường	21.699.990	-	-	-
Nguyên vật liệu	13.353.403.932	816.086.623	12.711.938.105	22.370.242
Thành phẩm	9.538.878.558	32.863.970	5.463.705.329	12.311.993
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.822.465.906	-	4.006.801.085	-
Hàng hóa	1.433.964.274	526.932.981	9.778.495.767	17.777.736
Hàng gửi bán	376.441.044	-	-	-
TỔNG CỘNG	26.546.853.704	1.375.883.574	31.960.940.286	52.459.971

Hàng tồn kho được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 15.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	52.459.971	398.719.098
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	1.474.012.434	22.600.593
<i>Trừ:</i> Sử dụng dự phòng trong năm	(150.588.831)	(368.859.720)
Số cuối năm	1.375.883.574	52.459.971

300
C
RNS
VI
HP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	18.605.109.738	25.288.849.131	2.151.163.636	46.045.122.505
- Mua trong năm	1.788.918.133	1.961.354.545	-	3.750.272.678
Số cuối năm	<u>20.394.027.871</u>	<u>27.250.203.676</u>	<u>2.151.163.636</u>	<u>49.795.395.183</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	932.830.357	15.052.518.475	1.225.000.000	17.210.348.832
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	10.935.446.149	19.216.341.518	1.971.283.746	32.123.071.413
- Khấu hao trong năm	1.049.602.964	1.773.620.535	127.570.452	2.950.793.951
Số cuối năm	<u>11.985.049.113</u>	<u>20.989.962.053</u>	<u>2.098.854.198</u>	<u>35.073.865.364</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>7.669.663.589</u>	<u>6.072.507.613</u>	<u>179.879.890</u>	<u>13.922.051.092</u>
Số cuối năm	<u>8.408.978.758</u>	<u>6.260.241.623</u>	<u>52.309.438</u>	<u>14.721.529.819</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.157 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.377 triệu VND) được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	1.425.393.448	1.662.180.530
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	745.502.790	738.890.595
TỔNG CỘNG	2.170.896.238	2.401.071.125

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán khác	47.200.562.515	47.200.562.515	110.139.253.918	128.023.179.688
MDC Marketing Services SDN BHD	16.626.507.252	16.626.507.252	71.324.191.154	71.324.191.154
Link Healthcare Singapore Pte Ltd	915.705.000	915.705.000	6.700.806.000	6.700.806.000
Các nhà cung cấp khác	29.658.350.263	29.658.350.263	32.114.256.764	49.998.182.534
Phải trả các bên liên quan	-	-	751.655	751.655
TỔNG CỘNG	47.200.562.515	47.200.562.515	110.140.005.573	128.023.931.343

11.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế Đông Nam Á	1.085.655.000	1.196.118.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Ngân Lộc	375.358.925	140.053.925
Công ty TNHH Deverlop Pharma	326.025.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.768.451.944	1.431.237.104
TỔNG CỘNG	5.555.490.869	2.767.409.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>			<u>Số cuối kỳ</u>	
	<i>Số phải thu</i>	<i>Số phải nộp</i>	<i>Số phát sinh tăng trong kỳ</i>	<i>Số đã khấu trừ trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số phải thu</i>	<i>Số phải nộp</i>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	-	236.182.860	10.987.612.866	(9.191.734.224)	(2.009.911.259)	71.889.585	94.039.828
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	860.208.119	-	372.639.193	-	(179.506.409)	667.075.335	-
Thuế xuất, nhập khẩu	65.556.585	-	1.626.115.000	-	(1.605.678.259)	45.119.844	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.604.500	419.323.750	1.060.696.446	-	(910.721.422)	20.412.114	570.106.388
Thuế thu nhập cá nhân	-	50.959.400	564.910.127	-	(500.525.735)	21.758	115.365.550
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.043.978.378	1.230.212.751	-	(1.618.967.156)	-	1.655.223.973
Các loại thuế khác	13.031.416	-	22.121.416	-	(9.000.000)	-	90.000
TỔNG CỘNG	958.400.620	2.750.444.388	15.864.307.799	(9.191.734.224)	(6.834.310.240)	804.518.636	2.434.825.739

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay trích trước	40.570.733	67.091.014
Chi phí phải trả khác	358.226.235	96.530.000
TỔNG CỘNG	398.796.968	163.621.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	113.853.332	122.265.414
Phải trả liên quan tới hoạt động ủy thác nhập khẩu	941.388.515	129.062.778
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.797.531.259	1.124.874.751
TỔNG CỘNG	3.852.773.106	1.376.202.943

15. VAY

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	18.952.963.322	18.952.963.322	146.602.986.478	(152.515.525.978)	13.040.423.822	13.040.423.822
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15.2)	398.588.612	398.588.612	398.588.612	(398.588.612)	398.588.612	398.588.612
	<u>19.351.551.934</u>	<u>19.351.551.934</u>	<u>147.001.575.090</u>	<u>(152.914.114.590)</u>	<u>13.439.012.434</u>	<u>13.439.012.434</u>
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	1.195.765.848	1.195.765.848	-	(398.588.612)	797.177.236	797.177.236
TỔNG CỘNG	20.547.317.782	20.547.317.782	147.001.575.090	(153.312.703.202)	14.236.189.670	14.236.189.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.1 Các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	5.704.661.289	Thời hạn khoản vay tối đa 6 tháng. Lãi được trả vào ngày 1 hàng tháng. Kỳ hạn hợp đồng cho vay hạn mức: 12 tháng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2026.	6% - 6,5%	Toàn bộ hàng hóa hoặc hàng tồn kho đang luân chuyển bao gồm: nguyên liệu, bán thành phẩm, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hóa kinh doanh và các nguyên liệu/hàng hóa khác.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	7.335.762.533	Thời hạn khoản vay tối đa 6 tháng. Kỳ hạn hợp đồng cho vay hạn mức: 12 tháng, lãi được trả vào ngày 26 - 27 hàng tháng. Khoản vay gốc đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2026.	5,7 - 6,7%	Số dư tài khoản đảm bảo tại ngân hàng là 500 triệu VND. Hàng hóa tồn kho luân chuyển và/hoặc khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 10 tỷ VND.
TỔNG CỘNG	<u>13.040.423.822</u>			

15.2 Các khoản vay dài hạn

Chi tiết khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	1.195.765.848	Thời hạn cho vay: 84 tháng. Thanh toán nợ gốc trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 1 tháng 3 năm 2022, lãi thanh toán ngày 1 hàng tháng.	12,5%	Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại trụ sở chính (nhà kho và khu văn phòng Hòa Minh) (Thuyết minh số 9)
TỔNG CỘNG	<u>1.195.765.848</u>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	398.588.612
Vay dài hạn	797.177.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.329.552.004	1.025.640.801
Trích trong năm	819.563.147	493.822.406
Sử dụng trong năm	<u>(185.100.955)</u>	<u>(189.911.203)</u>
Số cuối năm	<u>1.964.014.196</u>	<u>1.329.552.004</u>

81
 DN
 TM
 T
 01
 0
 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	17.500.000.000	(482.580.000)	3.287.279.151	9.606.372.473	29.911.071.624
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.678.252.587	4.678.252.587
- Trích lập các quỹ	-	-	493.366.805	(987.189.211)	(493.822.406)
- Chia cổ tức	-	-	-	(851.300.000)	(851.300.000)
Số cuối năm	17.500.000.000	(482.580.000)	3.780.645.956	12.446.135.849	33.244.201.805
Năm nay					
Số đầu năm	17.500.000.000	(482.580.000)	3.780.645.956	12.446.135.849	33.244.201.805
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	3.818.096.101	3.818.096.101
- Trích các quỹ (*)	-	-	1.403.475.776	(2.223.038.923)	(819.563.147)
- Chia cổ tức	-	-	-	(1.702.600.000)	(1.702.600.000)
Số cuối năm	17.500.000.000	(482.580.000)	5.184.121.732	12.338.593.027	34.540.134.759

(*) Công ty đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2024, thường Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2025 số 04/NQ-ĐHĐCĐ.2025 ngày 12 tháng 4 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	11.375.000.000	11.375.000.000	-	11.375.000.000	11.375.000.000	-
Cổ đông cá nhân	5.651.000.000	5.651.000.000	-	5.651.000.000	5.651.000.000	-
TỔNG CỘNG	17.026.000.000	17.026.000.000	-	17.026.000.000	17.026.000.000	-

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu năm	17.500.000.000	17.500.000.000
Vốn góp cuối năm	17.500.000.000	17.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	1.702.600.000	851.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả bằng tiền	1.667.885.000	841.324.500
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	-

17.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Cổ phiếu quỹ	47.400	474.000.000	47.400	474.000.000
Cổ phiếu phổ thông	47.400	474.000.000	47.400	474.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.702.600	17.026.000.000	1.702.600	17.026.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.702.600	17.026.000.000	1.702.600	17.026.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	216.359.709.631	256.008.527.479
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	115.611.610.657	166.568.679.569
Doanh thu bán thành phẩm	89.527.382.514	79.829.929.578
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.220.716.460	9.609.918.332
Các khoản giảm trừ doanh thu	(293.128.814)	(262.058.163)
Hàng bán bị trả lại	(293.128.814)	(262.058.163)
Doanh thu thuần	216.066.580.817	255.746.469.316
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	115.611.610.657	166.568.679.569
Doanh thu thuần bán thành phẩm	89.234.253.700	79.567.871.415
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11.220.716.460	9.609.918.332
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	215.968.866.531	255.746.469.316
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	97.714.286	-

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.811.437	163.803.646
Lãi tiền gửi	80.197.837	43.348.460
TỔNG CỘNG	99.009.274	207.152.106

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa	110.371.443.435	157.232.425.340
Giá vốn thành phẩm	60.478.285.309	57.752.287.530
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.561.519.505	522.058.294
TỔNG CỘNG	173.411.248.249	215.506.771.164

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	1.191.188.587	1.979.644.849
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.506.238.188	4.679.351.383



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	11.600.742.761	10.485.231.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.751.048	654.409.459
Chi phí vận chuyển	984.330.863	1.202.934.254
Chi phí khác	3.190.128.852	2.232.398.941
TỔNG CỘNG	16.002.953.524	14.574.974.363
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	7.568.491.161	5.285.793.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.055.654.558	1.862.801.071
Thuế, phí, lệ phí	1.205.823.517	2.372.515.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.771.900.791	748.858.404
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.624.949	155.137.853
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	220.991.647	(24.000.000)
Chi phí khác	3.974.861.103	3.002.693.483
TỔNG CỘNG	15.950.347.726	13.403.799.824

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Tiền bồi thường thu được	2.776.357.172	246.714.191
Các khoản khác	692.404.118	8.206.038
Chi phí khác		
Nộp tiền vi phạm theo biên bản thanh tra Nhà nước	4.786.481.193	-
Các khoản khác	907.101.367	162.089.394
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	(2.224.821.270)	92.830.835

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa (*)	102.984.418.888	165.225.963.020
Chi phí nguyên vật liệu	50.646.651.259	36.149.258.749
Chi phí nhân viên	27.336.797.204	21.765.220.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.460.857.154	7.020.307.658
Chi phí khấu hao	2.950.793.951	2.670.600.053
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) trích lập trong năm	1.695.004.081	(24.000.000)
Chi phí khác	7.836.333.520	5.842.367.400
TỔNG CỘNG	198.910.856.057	238.649.717.571

(*) Bao gồm chi phí mua hàng hóa cho các hoạt động thương mại của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.060.696.446	752.941.830
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	470.716.257
TỔNG CỘNG	<u>1.060.696.446</u>	<u>1.223.658.087</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.878.792.547	5.901.910.674
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	975.758.509	709.665.878
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	42.805.937	30.315.952
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	42.132.000	12.960.000
Điều chỉnh khác	-	470.716.257
Chi phí thuế TNDN	<u>1.060.696.446</u>	<u>1.223.658.087</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	Công ty cùng Tập đoàn

Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong năm được trình bày tại mục Thông tin chung của báo cáo tài chính này.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp hàng hóa	97.714.286	-
		Mua dịch vụ	123.150.201	133.483.176
		Thanh toán tiền cổ tức	1.137.500.000	568.750.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc đối trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

BỘ TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT	119.110.000	48.000.000
Ông Trương Thoại Nhân	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT	652.660.000	543.750.000
Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2025)	38.885.000	-
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2025)	16.665.000	48.000.000
Bà Trần Thị Minh	Thành viên HĐQT	246.194.000	194.100.233
Bà Nguyễn Thị Hoài Kim	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2025)	86.908.420	-
TỔNG CỘNG		1.160.422.420	833.850.233

(*) bao gồm tiền lương, thù lao và thưởng.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	398.379.954	332.090.625

26. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.266.003.503	3.413.451.692
Trên 1 - 5 năm	12.230.770.974	13.416.138.368
Trên 5 năm	35.626.022.987	41.706.751.812
TỔNG CỘNG	51.122.797.464	58.536.341.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.264.146.650	1.374.584.307
Trên 1 - 5 năm	2.632.005.132	2.526.136.744
TỔNG CỘNG	<u>3.896.151.782</u>	<u>3.900.721.051</u>

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.818.096.101	4.678.252.587
Quý khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát được trích lập trong năm (*)	(416.000.000)	(819.563.147)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>3.402.096.101</u>	<u>3.858.689.440</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.702.600	1.702.600
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.702.600</u>	<u>1.702.600</u>
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	1.998	2.266
- Lãi suy giảm	1.998	2.266

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng được điều chỉnh giảm khoản dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát từ lợi nhuận của năm 2025 này căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ: Đô la Mỹ (USD)	244,11	244,83

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 56/NQ/2026/HĐQT ngày 3 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc thực hiện bán ra thị trường 43.400 cổ phiếu quỹ đủ điều kiện và đồng thời thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành cổ phiếu để duy trì tư cách đại chúng với phương thức phát hành kết hợp. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu nêu trên.

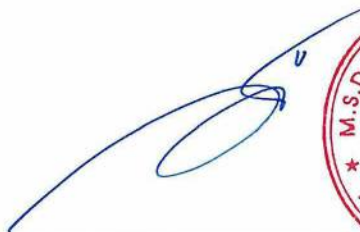
Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Hồ Tuyết Nhi
Người lập



Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng



Trương Thoại Nhân
Tổng Giám đốc



